

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45 /2023/DS- ST
Ngày: 05-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Thanh Chánh
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 224/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1959

Bà Lê Thị T, sinh năm 1961;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bà T ủy quyền cho ông Hồ Văn Đ.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1953

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1945

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Ông Đ có mặt, bà M có yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông C vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đồng thời đại diện theo ủy quyền ông Hồ Văn Đ trình bày :

Ông và bà T yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn C liên đới trả cho ông và bà T 15 chỉ vàng 24k 10 tuổi, không yêu cầu tính lãi. Vào tháng 4/2006 vợ chồng bà Huỳnh Thị M vào ông Nguyễn Văn C có mượn của ông 1 chỉ vàng 24k 10 tuổi, để ông bà sửa võ đồ, ông bà mượn tạm vài tháng gom tiền trả lại, không có làm giấy tờ. Đến tháng 7/2006 ông bà mượn của ông thêm 05 chỉ vàng 24k 10 tuổi để tu sửa máy đồ nên ông buộc ông C, bà M làm giấy hợp đồng với ông và bà T. Ông C, bà M mượn 02 lần tổng cộng là 15 chỉ vàng 24k 10 tuổi, cho mượn một năm không lấy lãi. Hợp đồng viết tại nhà bà Huỳnh Thị M, hẹn đến ngày 06/7/2007 trả nhưng đến hạn bà M, ông C không trả, ông đòi nhiều lần nhưng ông C, bà M không trả được số vàng nào. Tại phiên tòa ông Đ yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn C liên đới trả cho ông và bà T 15 chỉ vàng 24k, vàng nhẫn, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/02/2023 bị đơn bà Huỳnh Thị M trình bày:

Vào năm 2016 bà có mượn của ông mười Đông 05 chỉ vàng 24 k, vàng nhẫn để xoay sở làm ăn do chạy đồ thiếu tiền. Bà không nhớ ngày tháng năm mượn vàng, khi mượn có thỏa thuận lãi mỗi tháng trả 200.000 đồng, bà trả được bao nhiêu tiền lãi không nhớ, bà trả đến khi bị tai biến thì không trả nữa. Khi mượn vàng không hứa ngày trả, nói khi có tiền thì trả. Khi mượn không có mặt bà T, ông C vì mượn ở dưới đồ ở chợ B. Khi mượn vàng thì ông Đ có đưa cho bà một tờ giấy nhỏ kêu bà ký tên vào và bà ký tên vào tờ giấy đó. Còn tờ giấy ông Đ nộp cho tòa bà không có ký tên, chữ ký đó không phải của bà. Khi trả lãi vàng không có viết giấy tờ gì, bà cũng không có gì chứng minh, bà cũng không yêu cầu tính lãi lại. Đến thời điểm này bà còn thiếu ông Đ 05 chỉ vàng 24k bà đồng ý trả 05 chỉ vàng 24k cho ông Đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn xin trả dần có bao nhiêu trả bấy nhiêu. Khi mượn vàng của ông Đ, bà có nói với ông C biết vì bà mượn vàng để xoay sở kinh tế gia đình.

Ông Nguyễn Văn C vắng mặt không có lời trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: tuân thủ đúng theo qui định pháp luật tố tụng;

Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chấp hành không đúng pháp luật tố tụng dân sự còn vắng mặt trong các lần tòa mời.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các điều 217, 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 37 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn Đ; buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn C1 phải liên đới hoàn trả cho ông Hồ Văn Đ số vàng vay là 05 chỉ vàng 24k (vàng nhẫn), không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp hợp đồng dân sự về việc hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M, căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

Bà Huỳnh Thị M có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà M là phù hợp.

Ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt ông C là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà M, ông C liên đới trả cho nguyên đơn 15 chỉ vàng 24 K, vàng nhẫn, không tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giao dịch vay vàng giữa hai bên được hai bên thừa nhận là có thật, phía ông Đ và bà T cho rằng ông bà cho bà M, ông C vay tổng cộng 15 chỉ vàng 24k, vàng nhẫn; bà M chỉ thừa nhận có vay của ông Đ 05 chỉ vàng 24k, vàng nhẫn. Ông Đ cung cấp 01 tờ giấy giao kèo nhận mượn vàng ngày 06/7/2006 nội dung bà M, ông C có mượn của ông Đ, bà T 15 chỉ vàng 24k có chữ ký, chữ viết của 02 bên. Tuy nhiên, tại Kết luận

giám định của Phòng K công an tỉnh B kết luận không đủ cơ sở xác định chữ ký trong tờ giao kèo là của bà Huỳnh Thị M nên không đủ cơ sở khẳng định bà M có vay của ông Đ, bà T 15 chỉ vàng 24k. Tuy nhiên, bà M thừa nhận có vay của ông Đ 05 chỉ vàng 24k, vàng nhẫn. Như vậy, có cơ sở để xác định bà M có vay của ông Đ 05 chỉ vàng 24 k vào năm 2006 đến nay chưa trả nên chấp nhận một phần yêu cầu của ông Đ, buộc bà M trả cho ông Đ 05 chỉ vàng 24 k, vàng nhẫn, Đối với bà T cùng ông Đ yêu cầu nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Đối với ông Nguyễn Văn C là chồng bà M mặc dù không trực tiếp vay vàng nhưng bà M vay vàng để phục vụ kinh tế gia đình nên buộc ông C có nghĩa vụ liên đới cùng bà M trả cho ông Đ 05 chỉ vàng 24k, vàng nhẫn.

[3] Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi.

[4] Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị T phải nộp chi phí giám định là 765.000 đồng.

[5] Xét về quan điểm đại diện Viện kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T về việc bà T và ông Hồ Văn Đ yêu cầu bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn C liên đới trả 15 chỉ vàng 24k (vàng nhẫn).

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Văn Đ.

Buộc bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn C phải liên đới hoàn trả cho ông Hồ Văn Đ số vàng vay là 05 chỉ vàng 24k (vàng nhẫn), không yêu cầu tính lãi.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí dân sự có giá ngạch:

Ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị T được miễn nộp án phí do thuộc diện người cao tuổi.

Bà Huỳnh Thị M và ông Nguyễn Văn C được miễn nộp án phí do thuộc diện người cao tuổi.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Văn Đ và bà Lê Thị T phải nộp chi phí giám định 765.000 (Bảy trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng và đã nộp xong.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (01b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (02b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc(01b);
- Dương sự (04b);
- Lưu HS, VP (03b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên